

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ LONG MỸ
TỈNH HẬU GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2018/HS-ST

Ngày: 21 – 6 – 2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ LONG MỸ
TỈNH HẬU GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lư Trường Tây

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Giang

Bà Trương Thị Hằng

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Lil – Thẩm Tra viên Tòa án nhân dân thị xã Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang tham gia phiên tòa:

Bà Nguyễn Mỹ Diện – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 6 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 17/2018/TLST-HS ngày 15 tháng 7 năm 2018, Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 17/2018/QĐXXST-HS ngày 05 tháng 6 năm 2018 đối với bị cáo:

Nguyễn Vũ T, sinh năm: 1984; Tên gọi khác: Không có; Nơi cư trú: ấp V, xã V1, huyện T, tỉnh Hậu Giang; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ học vấn: 3/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Hồng M và bà Trần Thị B; Có vợ Hồ Thị Kim T1 (là bị hại trong cùng vụ án); Có 01 người con tên Nguyễn Thị Kim M1; Tiền sự: Không; Tiền án: Không; Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 06/4/2018 cho đến nay, có mặt.

Bị hại: Hồ Thị Kim T1, sinh ngày: 09/02/2000.

Nơi cư trú: ấp 3, xã L, thị xã K, tỉnh Hậu Giang (có mặt).

Đại diện gia đình bị hại: Ông Hồ Tấn P, sinh năm: 1983 và bà Trần Thị Thúy H, sinh năm: 1985.

Nơi cư trú: ấp 3, xã L, thị xã K, tỉnh Hậu Giang (có mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Hồng M, sinh năm: 1960

Nơi cư trú: ấp V, xã V1, huyện T, tỉnh Hậu Giang (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng tháng 3/2015, Hồ Thị Kim T1 làm thuê cho quán cà phê 777, thuộc khu vực 6, phường A, thị xã K, tỉnh Hậu Giang có quen biết và nảy sinh tình cảm yêu thương nam nữ với Nguyễn Vũ T.

Đến khoảng hơn một tháng sau, khoảng 11 đến 12 giờ, Nguyễn Vũ T điều khiển xe mô tô từ nhà đến quán cà phê 777, chở Hồ Thị Kim T1 đến quán cà phê sân vườn Ái Linh, thuộc khu vực A1, phường B, thị xã K, tỉnh Hậu Giang. Khi đến quán Nguyễn Vũ T và Hồ Thị Kim T1 vào tum số 3 uống nước, nói chuyện và ôm nhau, sau đó T và T1 cởi quần áo ra quan hệ tình dục với nhau, quan hệ xong T và T1 tự mặc quần áo vào, T chở T1 về quán 777 làm việc tiếp.

Sau khi quan hệ lần đầu tại quán cà phê Ái Linh cũng trong năm 2015, Nguyễn Vũ T chở Hồ Thị Kim T1 về nhà của mình tại ấp V, xã V1, huyện T, tỉnh Hậu Giang quan hệ tình dục 02 (hai) lần đều vào ban ngày tại phòng ngủ trong nhà Nguyễn Vũ T.

Đến khoảng tháng 3/2016, Hồ Thị Kim T1 phát hiện mình có thai nên Nguyễn Vũ T đưa Hồ Thị Kim T1 về nhà của T chung sống với nhau như vợ chồng. Sau đó gia đình Nguyễn Vũ T và gia đình Hồ Thị Kim T1 tổ chức lễ cưới cho T và T1. Đến ngày 01/8/2016 Hồ Thị Kim T1 sinh được một bé gái đặt tên Nguyễn Thị Kim M1. Sau khi sinh con, Nguyễn Vũ T và Hồ Thị Kim T1 tiếp tục

chung sống với nhau, trong quá trình chung sống đã xảy ra mâu thuẫn nên ông Hồ Tấn P tố giác hành vi phạm tội của Nguyễn Vũ T.

Tại Bản kết luận giám định pháp y về độ tuổi số: 167/C54B ngày 20/12/2017 và kết luận giám định số: 417/C54B ngày 13/3/2018 của Phân viện Khoa học hình sự tại thành phố Hồ Chí Minh xác định tại thời điểm giám định (tháng 12/2017) Hồ Thị Kim T1 có độ tuổi từ: 17 năm 04 tháng đến 17 năm 10 tháng. Đồng thời, Nguyễn Vũ T và Hồ Thị Kim T1 là cha mẹ ruột của bé Nguyễn Thị Kim M1, với xác suất: 99,999%.

Căn cứ kết quả giám định về độ tuổi trên, theo nguyên tắc tính có lợi cho người phạm tội thì thời điểm Hồ Thị Kim T1 (dưới 16 tuổi) được xác định là từ tháng 01/2016 về trước. Như vậy, thời điểm Nguyễn Vũ T thực hiện hành vi phạm tội (giao cấu) với Hồ Thị Kim T1, khi Hồ Thị Kim T1 chưa đủ dưới 16 tuổi gồm các lần:

- 01 (Một) lần đầu tại tum số 3 ở quán cà phê sân vườn Ái Linh, thuộc khu vực A1, phường B, thị xã K, tỉnh Hậu Giang.

- 02 (hai) lần khác tại nhà của Nguyễn Vũ T ở ấp V, xã V1, huyện T, tỉnh Hậu Giang vào năm 2015 (trước khi Hồ Thị Kim T1 phát hiện mình có thai).

Căn cứ hồ sơ Bệnh án của Trung tâm y tế thị xã Long Mỹ cung cấp tại thời điểm mổ lấy thai cho Hồ Thị Kim T1 thì thai nhi được 38 tuần tuổi. Như vậy thời điểm Nguyễn Vũ T thực hiện hành vi giao cấu với Hồ Thị Kim T1 dẫn đến mang thai được xác định thời gian vào khoảng tháng 11/2015, lúc đó Hồ Thị Kim T1 có độ tuổi theo kết luận giám định từ: 15 năm 3 tháng đến 15 năm 9 tháng.

Đối với 02 lần giao cấu tại nhà của Nguyễn Vũ T thuộc ấp V, xã V1, huyện T, tỉnh Hậu Giang, Công an huyện Vị Thủy đã ra quyết định khởi tố vụ án hình sự, đến ngày 30/3/2018, Viện kiểm sát nhân dân huyện Vị Thủy quyết định chuyển vụ án hình sự đến Công an thị xã Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang để điều tra theo thẩm quyền. Ngày 02/4/2018, Công an thị xã Long Mỹ quyết định nhập vụ án hình sự: “Giao cấu với trẻ em” xảy ra vào năm 2015 tại thuộc khu vực A1, phường B, thị xã K, tỉnh Hậu Giang theo Quyết định khởi tố vụ án hình sự số: 12/QĐ ngày 26 tháng 3 năm 2018 của Công an thị xã Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang

với vụ án hình sự: “Giao cầu với trẻ em” xảy ra vào năm 2015 tại ấp V, xã V1, huyện T, tỉnh Hậu Giang, gọi chung là vụ án: “Giao cầu với trẻ em” để xử lý theo quy định pháp luật.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại không yêu cầu đối với bị cáo Nguyễn Vũ T.

Tại cáo trạng số 11/QĐ-KSĐT, ngày 14/5/2018 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang quyết định truy tố bị cáo Nguyễn Vũ T có lý lịch và hành vi phạm tội nêu trên ra trước Tòa án nhân dân thị xã Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang để xét xử về “Tội giao cầu với trẻ em” theo quy định tại điểm a, d khoản 2 Điều 115 của Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009).

Tại phiên tòa Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang giữ nguyên Quyết định truy tố, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Nguyễn Vũ T phạm “Tội giao cầu với trẻ em”.

Áp dụng điểm a, d khoản 2 Điều 115; điểm b, p khoản 1, 2 Điều 46; Điều 33; Điều 60 của Bộ luật hình sự 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009).

Xử phạt bị cáo Nguyễn Vũ T 03 (ba) năm tù nhưng cho bị cáo hưởng án treo. Thời gian gian thử thách là 05 (năm) năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo cho chính quyền địa phương giám sát giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách.

Về trách nhiệm dân sự: Ghi nhận sự thỏa thuận giữa bị cáo và bị hại, buộc bị cáo bồi thường cho người bị hại số tiền 2.000.000 đồng, bị cáo đã bồi thường và nộp tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang.

Về vật chứng: Không có.

Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Vũ T thừa nhận hành vi phạm tội của bị cáo và xin Hội đồng xét xử cho bị cáo mức án nhẹ nhất để bị cáo về làm lo cho vợ con.

Bị hại tại phiên tòa yêu cầu cho bị cáo được hưởng án treo và đồng ý số tiền mà bị cáo đã bồi thường, không yêu cầu thêm.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Nguyễn Hồng M thừa nhận bị cáo có tác động gia đình bồi thường cho bị hại và không yêu cầu nhận lại số tiền đã bồi thường thay cho bị cáo.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa,

Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện chứng cứ, ý kiến kiểm sát viên, bị cáo, bị hại và những người tham gia tố tụng khác,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thị xã Long Mỹ, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Long Mỹ, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa và trong quá trình điều tra bị cáo Nguyễn Vũ T thừa nhận hành vi giao cấu với người bị hại Hồ Thị Kim T1. Đối chiếu lời khai của bị cáo tại phiên tòa với lời khai của người bị hại, Bản kết luận giám định pháp y về độ tuổi số: 167/C54B ngày 20/12/2017 và kết luận giám định số: 417/C54B ngày 13/3/2018 của Phân viện Khoa học hình sự tại thành phố Hồ Chí Minh xác định tại thời điểm giám định (tháng 12/2017) Hồ Thị Kim T1 có độ tuổi từ: 17 năm 04 tháng đến 17 năm 10 tháng. Đồng thời, Nguyễn Vũ T và Hồ Thị Kim T1 là cha mẹ ruột của bé Nguyễn Thị Kim M1, với xác suất: 99,999%, Hội đồng xét xử có cơ sở xác định thời điểm bị cáo Nguyễn Vũ T thực hiện hành vi giao cấu với người bị hại Hồ Thị Kim T1 có độ tuổi từ 13 đến dưới 16 tuổi dẫn đến Hồ Thị Kim T1 có thai nên Viện kiểm sát nhân dân thị xã Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang truy

tổ bị cáo về “Tội giao cấu với trẻ em” với tình tiết định khung hình phạt “Phạm tội nhiều lần”, “Làm nạn nhân có thai” theo điểm a, d khoản 2 Điều 115 của Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009) để xét xử là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Trong vụ án này bị cáo Nguyễn Vũ T thực hiện hành vi phạm tội nhưng hành vi phạm tội của bị cáo không thuộc tình tiết tăng nặng nào theo quy định tại khoản 1 Điều 48 của Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009)

[4] Về tính tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Sau khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn về hành vi phạm tội của bị cáo thông qua việc tác động gia đình bồi thường cho bị hại số tiền 2.000.000 đồng, gia đình bị cáo có người thân là người có công với cách mạng, phía bị hại có yêu cầu xin cho bị cáo hưởng án treo để bị cáo về lo cho con. Do đó, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng cho bị cáo các tình tiết giảm nhẹ tại điểm b, p khoản 1, 2 Điều 46 của Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009) là có cơ sở nên chấp nhận.

[5] Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo: Hội đồng xét xử nhận thấy, chỉ vì muốn thỏa mãn nhu cầu tình dục của bản thân, bị cáo đã lợi dụng sự thiếu hiểu biết, hạn chế về khả năng nhận thức của người bị hại để thực hiện hành vi quan hệ tình dục với người bị hại. Tại thời điểm bị cáo thực hiện hành vi phạm tội, người bị hại đang trong độ tuổi trẻ em, hành vi phạm tội của bị cáo không chỉ trực tiếp xâm phạm đến danh dự, nhân phẩm, ảnh hưởng đến sự phát triển bình thường về tâm sinh lý của người bị hại mà còn gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trị an tại địa phương nên cần thiết phải có mức án tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo mới có tác dụng răn đe, giáo dục bị cáo và phòng ngừa tội phạm chung. Tuy nhiên, tại thời điểm xét xử bị hại Hồ Thị Kim T1 đã trên 18 tuổi và tại phiên tòa cũng như trong quá trình điều tra, truy tố, bị hại cũng có yêu cầu cho bị cáo hưởng án treo, Hội đồng xét xử nhận thấy, bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ được quy định tại Điều 46 của Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009), quá trình điều tra bị cáo đã thành khẩn khai báo, có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng, thời gian tạm giam bị cáo chấp hành tốt qui

định của pháp luật, có khả năng tự cải tạo thành người có ích cho xã hội. Do đó, thể hiện tính khoan hồng của pháp luật đối với người phạm tội biết ăn năn hối cải, đối chiếu với quy định tại Nghị quyết số 01/2013/NQ-HĐTP ngày 06/11/2013 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 60 của Bộ luật hình sự về án treo, Hội đồng xét xử nhận thấy việc cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội là không cần thiết nên Kiểm sát viên tại phiên tòa đề nghị cho bị cáo được hưởng án treo và giao bị cáo cho chính quyền địa phương giám sát giáo dục trong thời gian thử thách cũng có tác dụng răn đe, giáo dục bị cáo để bị cáo có cơ hội làm ăn, sinh sống chăm lo cho vợ con và để bị cáo thấy được chính sách khoan hồng của pháp luật hình sự đối với bị cáo là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Ghi nhận sự thỏa thuận giữa bị cáo và bị hại buộc bị cáo bồi thường cho bị hại số tiền 2.000.000 đồng (hai triệu đồng). Bị cáo đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang và tại phiên tòa bị hại không yêu cầu thêm nên không xem xét.

[7] Về án phí: Căn cứ vào Điều 135; Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 23; Điều 26 và Danh mục án phí của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a, d khoản 2 Điều 115; điểm b, p khoản 1, 2 Điều 46; Điều 33; Điều 60 của Bộ luật hình sự 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009); khoản 4 Điều 328 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Điều 23; Điều 26 và Danh mục án phí của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Nghị quyết số: 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc Hội về việc thi hành Bộ luật hình sự số 100/2015/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo luật số 12/2017/QH14 và về hiệu lực thi hành của Bộ luật Tố

tụng hình sự số 101/2015/QH13, Luật tổ chức cơ quan điều tra hình sự số 99/2015/QH13, Luật thi hành tạm giữ, tạm giam số 94/2015/QH13.

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Vũ T phạm “Tội giao cấu với trẻ em”.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Vũ T 03 (ba) năm tù cho bị cáo hưởng án treo. Thời gian thử thách là 05 (năm) năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (21/6/2018).

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã xã V1, huyện T, tỉnh Hậu Giang giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Trả tự do bị cáo tại phiên tòa nếu bị cáo không bị tạm giam về một tội phạm khác.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 585 của Bộ luật Dân sự ghi nhận sự tự thỏa thuận giữa bị cáo và bị hại, buộc bị cáo bồi thường cho bị hại số tiền 2.000.000 đồng (hai triệu đồng), cha bị cáo là ông Nguyễn Hồng M đã nộp 2.000.000 (hai triệu đồng) đồng tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang theo biên lai thu tiền số 0004748 ngày 21/5/2018 để bồi thường cho người bị hại thay cho bị cáo.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015.

Về án phí: Bị cáo Nguyễn Vũ T phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong hạn luật định 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Nơi nhận:

- Bị cáo (1b);
- Bị hại (1b);
- NCQLNVLQ (1b);
- TAND, VKSND tỉnh Hậu Giang (2b);
- Sở Tư pháp tỉnh Hậu Giang (1b);
- Nhà tạm giữ CA TX.Long Mỹ (1b);
- VKSND TX.Long Mỹ (1b);
- CCTHADS TX.Long Mỹ (1b);
- Hồ sơ (1b);
- Lưu (VP).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Lư Trường Tây